

Bản án số: 173/2024/DS-PT

Ngày: 17/9/2024

"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2023/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2024/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc P - sinh năm: 1959

Địa chỉ: K. Thiết Đính N, P.B, thị xã H, Bình Định

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn N1 - sinh năm: 1959 (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N2 - sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

3. Ông Trương Văn H - sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị M - sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: KP . Thiết Đính B, P.B, thị xã H, Bình Định

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Ông Lê Văn P1, sinh năm 1957; Địa chỉ: A Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Ông Lê Phước L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

4. Ông Lê Phụng H2, sinh năm 1970; Địa chỉ: A Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

5. Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: C Q, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt); Ủy quyền cho ông Lê Văn P1 – sinh năm: 1957; trú tại: A Q, phường A, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024). (có mặt)

6. Ông Trương Đình T1, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

7. Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chủ tịch UBND phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

8. Bà Lê Thị Phúc B (chết); Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Phúc B:

1. Ông Đinh Huy H3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố C, khu phố E, số nhà A N, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt); Ủy quyền cho ông Lê Văn P1; trú tại: A Q, phường A, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2024)

2. Bà Đinh Thị Lệ H4, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số I Q, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Bà Đinh Thị Lệ H5, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ G, khu phố A, số A T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Ông Đinh Phi H6, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

5. Ông Đinh Văn H7, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

6. Ông Đinh Văn H8, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

7. Ông Đinh Văn H9, Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

8. Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ E, ấp S, xã S, h . X, tỉnh Đồng Nai.

9. Bà Đinh Thị Lệ H10, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

10. Bà Đinh Thị Lệ H11, sinh năm 1985; Địa chỉ: 2, tổ H, Khu phố B, L, Tp ., tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Nhân chứng:

1. Ông Bùi Xuân L1 (Có mặt)

Địa chỉ: KP.Thiết Đính Nam, P.Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, Bình Định

2. Ông Nguyễn T3 (Có mặt)

Địa chỉ: KP . Thiết Đính B, P.B, thị xã H, Bình Định

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn và kháng cáo của ông Nguyễn N1, ông Trương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày: Thừa đất hiện nay tôi đang tranh chấp với ông Nguyễn N1, ông Trương Văn H có số hiệu 805, bản đồ 22 tại khu phố T, phường B, thị xã H. Từ khoảng năm 1985 đến nay thửa đất này được cha của tôi tên Lê Đ1 cho ông N1 sử dụng.

Về nguồn gốc của thửa đất: Thửa đất này là một phần trong thửa đất theo trích lục Việt Nam trung kỳ Chánh phủ là thửa 84, tờ bản đồ 02, tại Thiết Đính B, B có diện tích 3 mẫu 3 sào 8 thước mang tên cổ Lê P2 là ông nội của bà. Sau khi cụ Lê P2 chết thì cha bà là Lê Đ1 thừa kế toàn bộ thửa đất và sử dụng từ thời pháp thuộc, trồng mỳ và có một ngôi nhà nhỏ, có giếng nước sinh hoạt. Cho đến khoảng thời gian năm 1990, vì điều kiện đi làm ăn xa nên cụ Lê Đ1 có cho một số người thân trong nhà và một số người dân mượn đất để canh tác cụ thể là cho ông H12, ông T2, ông T4 và ông N1 sử dụng. Sau đó, ông H12, ông T2, ông T4 đã trả lại đất. Còn ông Nguyễn N1 thì không trả khi gia đình bà yêu cầu. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn N1 bà Nguyễn Thị N2 phải trả lại thửa đất số hiệu 805, tờ bản đồ 22 cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Đạm

Ngoài ra, ông Trương Văn H bà Nguyễn Thị M có lấn chiếm một phần đất của gia đình bà trên cùng thửa đất nói trên. Bà yêu cầu vợ chồng ông H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm; Bà rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Bị đơn ông Nguyễn N1 và bà Nguyễn Thị N2 thống nhất trình bày: Nguyên thửa đất hiện nay bà P đang tranh chấp với vợ chồng ông có nguồn gốc từ ông ngoại ông là cổ Lê P2, phân chia cho cha mẹ ông là Nguyễn C, Lê Thị T5 sử dụng. Sau khi mẹ lớn Lê Thị T5 chết thì cha ông cưới mẹ ruột ông là Nguyễn Thị K. Cha mẹ ông sử dụng liên tục thửa đất nói trên canh tác hoa màu. Sau khi cha mẹ ông già yếu đã giao lại cho 03 anh em ông là Nguyễn N1, Nguyễn K1, Nguyễn Thị H13 sử dụng. Vì ông là người nuôi dưỡng và thờ cúng cha mẹ nên anh chị em đã thống nhất giao toàn bộ thửa đất trên cho ông sử dụng trồng trọt. Thời gian từ khi cha ông cho đến ông canh tác là liên tục từ năm 1947 cho đến nay, không có ai tranh chấp. Số hiệu thửa đất ông đang làm là 805, tờ bản đồ 22 tại khu phố T, phường B, thị xã H. Về lý do ông chưa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là do lúc đó chưa có chủ trương giao đất rừng. Sau này thì bà P tranh chấp nên hiện nay chưa làm được. Bà P cho rằng vợ chồng ông được cụ Lê Đ1 cho mượn đất để sản xuất là không đúng, vì thửa đất này do cha mẹ ông giao cho ông sử dụng từ trước đến nay. Ông không đồng ý yêu cầu trả lại đất của bà P. Bà N2 ủy quyền cho ông N1, ông N1 thống nhất như lời trình bày trên và

không có ý kiến khác.

Bị đơn ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày: Nguyên phần đất hiện nay ông trồng rừng trước kia được ông khai hoang từ rào ranh đất và phần đường đi cũ (phần đường đi này bị bỏ hoang không sử dụng sau khi nhà nước mở đường đi mới năm 1979 vào Đ hồ T. Ông canh tác sử dụng liên tục từ năm 2002 cho đến nay, phần đất này không thuộc quyền sử dụng của ai. Ông cũng không lấn chiếm đất của bà P, bà P yêu cầu trả lại đất ông không đồng ý. Nếu nhà nước lấy lại đất thì ông chấp nhận gia lại vì đất này thuộc đường đi cũ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Ông, bà Lê Thị H1, Lê Văn P1, Lê Phước L, Lê Phụng H2, Lê Thị Ngọc T ủy quyền cho bà Lê Thị Ngọc P trọn quyền quyết định chứ không có ý kiến gì.

- Ông Trương Đình T1 trình bày: Ông là con cụ Lê Thị C1, cụ C1 là em ruột cụ Lê Đ1 (cha bà Lê Thị Ngọc P) và là chị ruột cụ Lê Thị T5 (mẹ ông Nguyễn N1, bà Nguyễn Thị N2), là cháu ngoại cô Lê P2. Sinh thời, cô Lê P2 có tạo lập một thửa đất tại khu vực có tục danh Bàu Súng N3 diện tích 3 mẫu 3 sào 8 thước, thuộc khu phố T, phường B, thị xã H để trồng trọt hoa màu sinh sống. Sau khi cô Lê P2 chết thì toàn bộ thửa đất nói trên giao cho cậu ruột ông là Lê Đ1 quản lý sử dụng liên tục. Sau đó, vì hoàn cảnh khó khăn ông Lê Đ1 không thể sử dụng đất, nên một số người đã chiếm dụng đất của ông Lê Đ1 để canh tác, trong đó có ông Nguyễn N1 và bà Nguyễn Thị N2. Nay bà Lê Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu trả lại đất ông không có ý kiến gì, ông cũng đề nghị trả lại đất cho bà P vì thửa đất này có nguồn gốc giao cho cha bà P sử dụng. Ông không tranh chấp gì đối với thửa đất này.

- Bà Nguyễn Thị H13 trình bày: Nguyên thửa đất rừng hiện nay bà P đang tranh chấp với ông Nguyễn N1, có nguồn gốc từ ông ngoại tên Lê P2, phân chia cho cha mẹ bà là Nguyễn C, Lê Thị T5, Sau khi mẹ chết, cha bà là Nguyễn C mới lấy mẹ ruột bà là Nguyễn Thị K. Cha mẹ bà sử dụng liên tục thửa đất trên, sau đó cha mẹ già yếu giao lại cho 3 anh em bà là Nguyễn N1, Nguyễn K1, Nguyễn Thị H13. Vì ông N1 là người thờ cúng cha mẹ nên anh em bà đã thống nhất giao toàn bộ cho ông N1 sử dụng, bà hoàn toàn không canh tác sử dụng gì trên thửa đất này.

- Ông Nguyễn K1 trình bày: Nguyên thửa đất rừng hiện nay bà P đang tranh chấp với ông Nguyễn N1 có nguồn gốc từ ông ngoại tên Lê P2, phân chia cho cha mẹ ông là Nguyễn C, Lê Thị T5, Sau khi mẹ chết, cha ông là Nguyễn C mới lấy mẹ ruột bà là Nguyễn Thị K. Cha mẹ ông sử dụng liên tục thửa đất trên, sau đó cha mẹ già yếu giao lại cho 3 anh em ông là Nguyễn N1, Nguyễn K1, Nguyễn Thị H13. Vì ông N1 là người thờ cúng cha mẹ nên anh em ông đã thống nhất giao toàn bộ cho ông N1 sử dụng, ông hoàn toàn không canh tác sử dụng gì trên thửa đất này.

- Đại diện UBND phường B trình bày: Thửa đất số hiệu 805, tờ bản đồ 22, tại Khu phố T, phường B không thuộc quỹ đất công ích và UBND phường B cũng không quản lý sử dụng thửa đất này. Việc ghi tên Chủ sử dụng đất đối với thửa

đất nói trên tại sổ mục kê là UBND phường B là do thừa đất nói trên chưa được cấp quyền sử dụng cho ai. Nay các bên tranh chấp UBND phường B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2023/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P.

1.1. Buộc ông Nguyễn N1, bà Nguyễn Thị N2 trả cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Đ1 phần đất thuộc thửa đất số 805, tờ bản đồ số 22 (BĐ 1997), diện tích 2.440m² đất loại đất trồng cây hàng năm tại khu phố T, phường B, có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp đất ông Đ1 dài 38,2m; 13,1m; 16,5m.

- Tây giáp đất ông K2 dài 33,8m; 14,9m.

- Nam giáp đất ruộng dài 2,4m; 8,3m; 9,3m; 7,6m; 5,3m; 10,3m; 7,8m; 3,1m; 8,8m

- Bắc giáp đường đi dài 22,8m. (có sơ đồ chi tiết kèm theo)

1.2. Buộc vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị M trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Đ1 phần đất thuộc thửa 805, tờ bản đồ số 22 (BĐ 1997), diện tích 388m² đất loại đất trồng cây hàng năm khác tại khu phố T, phường B có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp đất ông Đ1 dài 5,1m; 4,2m.

- Tây giáp đất giao cho b Ph dài 11,2m.

- Nam giáp đất ông Đ1 dài 399m.

- Bắc giáp đường đi dài 45,2m. (có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của bà P do bà P rút yêu cầu.

3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn N1 và vợ chồng ông Trương Văn H thu hoạch toàn bộ số cây keo trồng trên phần đất đã chiếm dụng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/12/2023, ông Nguyễn N1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P vì cha mẹ ông đã canh tác trên thửa đất này hơn 70 năm và để lại cho ông canh tác liên tục cho đến nay; Ông Trương Văn H kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P vì ông cho rằng phần đất ông đang sử dụng không liên quan đến nguồn gốc đất mà bà P khởi kiện.

Ngày 26/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn Quyết định kháng nghị số 30/QĐ-VKS-DS: Kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số

377/2023/DSST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo hướng hủy bản án, đình chỉ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị của VKSND thị xã Hoài Nhơn nhưng được sửa đổi, bổ sung; áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa án phí.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn N1 và ông Trương Văn H là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Bà Lê Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn N1 và vợ chồng ông Trương Văn H phải trả lại một phần diện tích đất thuộc thửa 805 tờ bản đồ số 22 tại thôn T, phường B, thị xã H. Vợ chồng ông N1 không đồng ý trả và cho rằng diện tích đất hiện nay vợ chồng ông đang canh tác là do ông ngoại Lê P2 chia cho cha mẹ ông là ông Nguyễn C và bà Lê Thị T5 (mẹ lớn) và cha mẹ ông đã canh tác liên tục từ năm 1947 đến năm 1976 cha ông chết, mẹ ông già yếu nên giao cho vợ chồng ông canh tác, không ai tranh chấp ngoài bà Lê Thị Ngọc P; vợ chồng ông Trương Văn H cũng không đồng trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà P vì cho rằng diện tích đất vợ chồng ông đang canh tác do vợ chồng ông khai hoang năm 2002 là đất thuộc rào ranh đất và phần đường đi cũ không thuộc quyền sử dụng của ai.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn N1 yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P và kháng cáo của ông Trương Văn H cho rằng phần đất vợ chồng ông hiện đang canh tác không liên quan đến nguồn gốc đất mà bà P khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Nguyễn N1 và vợ chồng ông Trương Văn H phải trả lại diện tích đất mà bà P cho rằng thuộc thửa 805 tờ bản đồ số 22 (tọa lạc tại thôn T, phường B, thị xã H) là không có căn cứ, bởi lẽ: Đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2012 bà Lê Thị Ngọc P yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn N1 và vợ chồng ông Trương Văn H trả lại cho bà phần diện tích đã mượn và lấn chiếm tại thửa 84

tờ bản đồ số 02 (do Đ2 Nam Trung kỳ Chính phủ cấp), trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm lại chuyển thành thửa 805 tờ bản đồ số 22. Theo Công văn số 970/UBND-TNMT ngày 26/12/2012 của UBND huyện H (nay là thị xã H) cho rằng: “*Bản đồ và hồ sơ địa chính trước năm 1980 do chế độ cũ xác lập, huyện H không lưu trữ, do đó không xác định được vị trí thửa đất có số hiệu 84 do Đ2 nam Trung kỳ Chính phủ tỉnh Bình Định cấp cho ông Lê P2*”; Trung tâm T9 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có cung cấp thông tin thửa đất số 84 tờ bản đồ số 02, nhưng có ghi chú tài liệu chỉ dùng để tham khảo và cũng không xác định được có hay không có thửa đất 84 tờ bản đồ số 02. Tại Công văn số 945/UBND-TNMT ngày 21/6/2021 của UBND thị xã H xác định: “*Theo hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H cung cấp, thì diện tích hiện nay Lê Thị Ngọc P đang tranh chấp với ông Nguyễn N1 tương ứng với thửa đất số 805, tờ bản đồ số 22 (bản đồ năm 1997), phường B*”. Như vậy, bà P là người khởi kiện nhưng bà không xác định được số hiệu thửa đất hiện đang tranh chấp.

Bà Lê Thị Ngọc P cho rằng năm 1990 do hoàn cảnh gia đình phải đi làm ăn xa nên cha bà có cho một số người trong thôn, khối mượn để canh tác như: Ông Phạm H14, ông Nguyễn Minh T6, ông Trương Thanh T7 và vợ chồng ông Nguyễn N1; đến năm 2006 những người mượn đất của cha bà đều đã trả, riêng vợ chồng ông N1 không trả, khi còn sống cha bà chưa đòi, nay cha bà đã chết, bà đại diện cho các thừa kế của cha bà yêu cầu vợ chồng ông N1 phải trả lại diện tích đã mượn. Chứng cứ để chứng minh diện tích đất đang tranh chấp của cha bà là Trích lục thửa đất 84 tờ bản đồ số 02 (thôn T, phường B, thị xã H) do Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ của chế độ cũ đã cấp cho cô Lê P2. Tuy nhiên, tờ bản đồ mà bà P cung cấp cho Tòa được Trung tâm T10 từ bản gốc ngày 11/8/2009 là tờ bản đồ số 03, ngoài ra bà không có chứng cứ gì khác để chứng minh việc cha bà cho vợ chồng ông N1 mượn đất từ năm 1990.

Vợ chồng ông Nguyễn N1 lại cho rằng phần đất hiện vợ chồng ông đang canh tác là của cha ông tên Nguyễn C và mẹ là Nguyễn thị K3 để lại (nguồn gốc là của mẹ trước Lê Thị T5 được ông bà chia cho); cha ông quản lý, sử dụng từ năm 1947, đến năm 1976 cha chết, mẹ già yếu nên anh em trong nhà thống nhất giao vợ chồng ông canh tác để thờ cúng ông bà. Lời trình bày của ông N1 phù hợp với lời khai của các nhân chứng như: Ông Trương P3, ông Bùi Xuân L1. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023 do TAND thị xã Hoài Nhơn lập, ông L1 trình bày: “*Nguồn gốc thửa đất bà P đang tranh chấp là của cha mẹ cụ Lê Thị L2 (cụ cố L) cho vợ chồng cụ Nguyễn C, Lê Thị T5 sử dụng từ năm 1947. Sau khi cụ C và cụ T5 mất thì thửa đất giao cho cụ Nguyễn Thị K canh tác đến năm 1980 (cụ K là mẹ kế của ông Nguyễn N1). Sau khi cụ K già yếu thì giao lại cho 03 chị em ông N1...*”; tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2013 do TAND thị xã Hoài Nhơn lập, ông Trương P3 trình bày: “*Chỗ ông N1 làm là từ đất của ông Nguyễn C (cha ông Ngã) khai hoang. Năm 1976 ông C chết thì ông N1 làm và trông mì, trông lang, cây mới trông đây*”. Nếu tính cha ông Ngã quản lý, sử dụng thửa đất đang tranh chấp theo như ông L1 trình bày tại phiên tòa là khoảng năm 1966 - 1967 và bà P khởi kiện từ năm 2012 là hơn 30 năm. Theo Khoản 7 Điều 221 Bộ luật Dân

sự quy định: “Chiếm hữu, được lợi về tài sản theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này; Điều 236 của Bộ luật Dân sự về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật quy định: “*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*”.

Khi còn sống, ông Lê Đ1 có khởi kiện ông Trương Thanh T7 và ông Trương Ngọc T8 yêu cầu hai ông phải trả lại 4191m² đất thuộc thửa 805 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại Khôi Thiết Đ, thị trấn B, thị xã H. Tại Bản án phúc thẩm số 186/DSPT ngày 26/10/2006 của TAND tỉnh Bình Định đã tuyên xử y án sơ thẩm buộc ông T7 và ông T8 phải trả lại đất cho ông Đ1 có tứ cận: Đông giáp đất màu của ông Lê Đ1, Tây giáp đất của ông Nguyễn N1, Nam giáp đất ruộng, Bắc giáp đường đi. Nội dung quyết định của Bản án phúc thẩm giống với nội dung Bản án sơ thẩm số 59/2006/DSST ngày 23/5/2006, nhưng ông Lê Đ1 không kháng cáo, có nghĩa là ông Lê Đ1 chấp nhận phần đất phía Tây (thửa đất hiện nay đang tranh chấp) là đất của ông Nguyễn Ngã .1 Ngoài ra, tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được Phòng công chứng số B tỉnh Bình Định ký ngày 30/6/2010 xác định di sản của ông Lê Đ1 để lại gồm: Thửa đất số 148, thửa đất số 596, thửa đất 805, không có diện tích đất mà bà P cho rằng vợ chồng ông N1 mượn của cha bà và vợ chồng ông H lấn chiếm đất; cũng không có thửa đất 84 tờ bản đồ số 02 do Đ2 nam Trung kỳ Chánh phủ cấp cho cố Lê P4.

[4]. Xét Quyết định kháng nghị số 30/QĐ-VKS-DS ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định kháng nghị theo hướng hủy, đình chỉ vụ án và tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bình Định thay đổi kháng nghị theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số 377/2023/DS-ST ngày 13/12/2023 của TAND thị xã Hoài Nhơn không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn N1 và ông Trương Văn H; không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P.

[5]. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm; không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về chi phí định giá: Đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P không được chấp nhận nên bà phải chịu 4.500.000 đồng (đã nộp xong).

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc P là người cao tuổi nên được miễn. H15 lại cho bà P 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008844 ngày 17/9/2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã H); hoàn lại cho ông Trương Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 5, Điều 100 Luật đất đai; Điều 163, 164, 166, Khoản 7 Điều 221, Điều 236 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị số 30/QĐ-VKS-DS ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn đã được Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định thay đổi tại phiên tòa theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn H, ông Nguyễn Ngã .1 Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 377/2023/DSST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn N1 và vợ chồng ông Trương Văn H phải trả cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Đạm p diện tích đất thuộc thửa 805 tờ bản đồ số 22 tại Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

4. Về chi phí định giá: Đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P không được chấp nhận nên bà phải chịu 4.500.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc P là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. H15 lại cho bà Lê Thị Ngọc P 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008844 ngày 17/9/2012; hoàn lại cho ông Trương Văn H 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0006086 ngày 05/01/2024 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định.
- TAND thị xã Hoài Nhơn.
- CCTHADS thị xã Hoài Nhơn.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Xuân Hải